

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
(đã được kiểm toán)

## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07 - 39
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 39



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 06 năm 2006, sửa đổi lần thứ 15 số 5500271984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 09 tháng 01 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Huyền	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Ngô Vĩnh Khương	Chủ tịch	(Thôi nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017 và Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngày 02 tháng 10 năm 2017)
Ông Trần Tuấn Linh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017 và Từ nhiệm ngày 02 tháng 10 năm 2017)
Ông Đỗ Quang Lợi	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Đắc Điệp	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Nguyễn Phương Châu	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Ông Phạm Sỹ Long	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Ông Dương Hoài Nam	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017 và Miễn nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Ông Tạ Hồng Quảng	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017 và Miễn nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Ông Vũ Văn Tính	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Nguyễn Hồng Nguyên	Thành viên	
Ông Trần Minh Châu	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Nguyễn Sỹ Hưng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đỗ Quang Lợi	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2018)
Ông Nguyễn Đắc Điệp	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017 và Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2018)
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 17 tháng 05 năm 2017)
Ông Nguyễn Phương Châu	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 24 tháng 07 năm 2017)
Ông Phạm Sỹ Long	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2017)



Ông Ngô Trung Quân	Phó Tổng Giám đốc	(Chấm dứt hợp đồng lao động ngày 17 tháng 06 năm 2017)
--------------------	-------------------	--

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Trần Đức Hậu	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Ông Trần Đình Tú	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Xuân Tuyền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Ông Trịnh Xuân Mạnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2017 và Miễn nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21 tháng 06 năm 2017 và Miễn nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2017)
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)
Ông Nguyễn Thành Sơn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2017)

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

---

**Đỗ Quang Lợi**  
Tổng Giám đốc  
Sơn La, ngày 22 tháng 01 năm 2018



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được lập ngày 22 tháng 01 năm 2018, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại ngày 31/12/2017, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán là 147,6 tỷ đồng, các khoản công nợ phải trả đã quá hạn thanh toán xấp xỉ 55 tỷ đồng, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 110 tỷ đồng, lưu chuyển tiền thuần trong kỳ âm 12,4 tỷ đồng. Sau kết quả Đại hội đồng cổ đông năm 2017, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc mới đã có định hướng cho việc phát triển Công ty trong năm 2017 và những năm tiếp theo, cụ thể: Công ty đã có nhiều giải pháp, đồng bộ tích cực nhằm tiết giảm chi phí quản lý vận hành, tăng doanh thu và tái cơ cấu gốc vay, gia hạn nợ phải trả lãi vay. Với những kết quả nêu trên, năm 2018 Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh với mức lợi nhuận trước thuế có thể đạt 56,8 tỷ đồng. Bên cạnh đó, trong năm 2017 Công ty đang tiếp tục đầu tư thêm Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 3 (dự kiến cuối năm 2018 sẽ hoàn thành) điều này giúp lợi nhuận của Công ty tăng trưởng rất mạnh mẽ từ năm 2019. Ban Tổng Giám đốc rất kỳ vọng trong tương lai về nguồn lợi nhuận thu được do việc đầu tư thêm nhà máy thủy điện Nậm Chiến 3.

Những sự kiện nêu trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2018

**Nguyễn Thị Nhân**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2959-2016-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>45.301.905.737</b>	<b>56.863.965.137</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>11.125.590.000</b>	<b>23.575.052.251</b>
111	1. Tiền		11.125.590.000	23.575.052.251
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>32.095.361.482</b>	<b>27.947.153.460</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	19.092.514.107	19.297.416.628
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	12.222.720.430	4.010.885.041
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	780.126.945	4.638.851.791
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	8	<b>1.073.523.639</b>	<b>1.434.896.405</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.073.523.639	1.434.896.405
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.007.430.616</b>	<b>3.906.863.021</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	-	66.666.667
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	3.838.702.965
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.007.430.616	1.493.389
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.091.095.625.604</b>	<b>1.117.438.621.971</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.078.579.975.072</b>	<b>1.105.348.876.887</b>
221	2. Tài sản cố định hữu hình	10	1.078.249.975.072	1.105.348.876.887
222	- Nguyên giá		1.315.244.407.708	1.314.035.814.645
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(236.994.432.636)	(208.686.937.758)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	9	<b>5.287.787.216</b>	<b>140.238.096</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.287.787.216	140.238.096
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>-</b>	<b>8.265.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		6.745.256.323	6.745.256.323
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	8.265.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.745.256.323)	(6.745.256.323)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.227.863.316</b>	<b>3.684.506.988</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	7.227.863.316	3.684.506.988
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.136.397.531.341</b>	<b>1.174.302.587.108</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>921.486.200.202</b>	<b>994.095.998.823</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>156.051.995.581</b>	<b>184.612.398.323</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	41.475.449.877	43.795.551.215
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	13.544.489.761	14.539.206.990
314	3. Phải trả người lao động		1.440.680.514	3.387.147.131
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	1.144.281.304	1.308.475.208
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	23.283.084.434	50.659.733.779
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	75.164.009.691	70.922.284.000
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>765.434.204.621</b>	<b>809.483.600.500</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	121.682.339.621	103.814.912.580
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	643.751.865.000	705.668.687.920
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>214.911.331.139</b>	<b>180.206.588.285</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	18	<b>214.911.331.139</b>	<b>180.206.588.285</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		362.547.540.000	362.547.540.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		362.547.540.000	362.547.540.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.545.454.545	2.545.454.545
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.540.000.000)	(2.540.000.000)
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(147.641.663.406)	(182.346.406.260)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(182.346.406.260)	(207.556.760.541)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		34.704.742.854	25.210.354.281
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.136.397.531.341</b>	<b>1.174.302.587.108</b>



Nguyễn Như Tâm

Người lập biểu

Sơn La, ngày 22 tháng 01 năm 2018



Phạm Văn Tuyên

Kế toán trưởng



Đỗ Quang Lợi

Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	191.780.847.568	195.219.954.091
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		191.780.847.568	195.219.954.091
11	4. Giá vốn hàng bán	20	64.821.679.424	63.599.393.138
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		126.959.168.144	131.620.560.953
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20.519.677	39.767.628
22	7. Chi phí tài chính	22	75.574.374.433	83.609.673.915
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		75.140.742.007	81.488.619.768
25	8. Chi phí bán hàng	23	1.425.451.910	2.068.816.820
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	14.518.195.335	18.984.002.358
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.461.666.143	26.997.835.488
31	11. Thu nhập khác	25	959.838.603	25.293.243
32	12. Chi phí khác	26	1.716.761.892	1.812.774.450
40	13. Lợi nhuận khác		(756.923.289)	(1.787.481.207)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.704.742.854	25.210.354.281
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>34.704.742.854</u>	<u>25.210.354.281</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	964	700



Nguyễn Như Tâm

Người lập biểu

Sơn La, ngày 22 tháng 01 năm 2018



Phạm Văn Tuyền

Kế toán trưởng



Đỗ Quang Lợi

Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		34.704.742.854	25.210.354.281
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		29.591.190.155	29.996.528.769
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		223.582.165	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(429.610.586)	(39.767.628)
06	- Chi phí lãi vay		75.140.742.007	81.488.619.768
08	7. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		139.230.646.595	136.655.735.190
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8.684.557.716	903.947.341
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		361.372.766	(171.938.250)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(7.640.346.347)	(11.375.723.417)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(5.609.136.070)	861.025.038
14	- Tiền lãi vay đã trả		(82.658.679.217)	(77.367.558.236)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		52.368.415.443	49.505.487.666
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.837.391.051)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		409.090.909	1.214.583.327
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(200.000.000)
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.265.000.000	2.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.519.677	39.767.628
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.142.780.465)	3.054.350.955
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		36.103.307.691	900.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(93.778.404.920)	(35.626.284.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(57.675.097.229)	(34.726.284.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(12.449.462.251)	17.833.554.621
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		23.575.052.251	5.741.497.630
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		11.125.590.000	23.575.052.251

Nguyễn Như Tâm  
Người lập biểu

Sơn La, ngày 22 tháng 01 năm 2018

Phạm Văn Tuyền  
Kế toán trưởng

Đỗ Quang Lợi  
Tổng Giám đốc





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 16 tháng 06 năm 2006, sửa đổi lần thứ 15 số 5500271984 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 09 tháng 01 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 362.547.540.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 362.547.540.000 đồng; tương đương 36.254.754 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng và sửa chữa các nhà máy thủy điện.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sửa chữa và kinh doanh điện năng.

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại ngày 31/12/2017, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán là 147,6 tỷ đồng, các khoản công nợ phải trả đã quá hạn thanh toán xấp xỉ 55 tỷ đồng, nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn 110 tỷ đồng, lưu chuyển tiền thuần trong kỳ âm 12,4 tỷ đồng. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2017 Công ty đã có sự thay đổi toàn diện về nhân sự cấp cao, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc mới đã có những quyết định rất mạnh mẽ để định hướng cho sự phát triển Công ty trong năm 2017 và những năm tiếp theo, cụ thể: Công ty đã có nhiều giải pháp để tiết giảm chi phí quản lý vận hành, tăng doanh thu và tái cơ cấu nợ phải trả ngân hàng và khách hàng dẫn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 lợi nhuận trước thuế có thể đạt 56,8 tỷ đồng. Bên cạnh đó, trong năm 2017 Công ty đã đầu tư thêm Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 3 (dự kiến cuối năm 2018 sẽ hoàn thành). Điều này giúp lợi nhuận của Công ty tăng trưởng rất mạnh mẽ từ năm 2019 (Dự kiến năm 2019 đạt 104,9 tỷ, năm 2020 dự kiến đạt 112,7 tỷ). Vì vậy, chúng tôi tin rằng việc áp dụng giả định hoạt động liên tục cho việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty chúng tôi là phù hợp.

#### Cấu trúc doanh nghiệp

Trong năm, Công ty đã tiến hành cơ cấu, sắp xếp lại mô hình hoạt động. Theo đó, toàn bộ các nhà máy trực thuộc đang hoạt động dưới mô hình chi nhánh (Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2, Nhà máy thủy điện Nậm Công, Nậm Sỏi) sẽ được sáp nhập theo dõi, quản lý chung tại Văn phòng Công ty. Công ty đã tiến hành các thủ tục chấm dứt hoạt động các chi nhánh ((Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2 chấm dứt ngày 21/08/2017, Nhà máy thủy điện Nậm Công, Nậm Sỏi chấm dứt ngày 10/08/2017) và đã được Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Sơn La chấp thuận chấm dứt hoạt động chi nhánh.

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## 2.4. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

## 2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào Công ty con căn cứ vào Báo cáo tài chính của Công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.



## 2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Hệ thống đập Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2, Nậm Công, Nậm Sỏi	47 - 48	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03	năm

## 2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.13. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.



#### 2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 2.17. Doanh thu

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên "Biên bản xác nhận chỉ số công nợ và điện năng" hàng tháng với Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



## 2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## 2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Lãi chậm trả.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## 2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.22. Điều chỉnh hồi tố

Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố do việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc (Công ty con) và ghi nhận tăng khoản phải trả người bán trả thay cho Công ty con.

	Mã số	Số trình bày báo cáo năm nay VND	Số trình bày báo cáo năm nay VND	Chênh lệch VND
<b>a) Bảng cân đối kế toán</b>				
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	(6.745.256.323)	-	6.745.256.323
Phải trả người bán ngắn hạn	311	43.795.551.215	40.306.832.571	3.488.718.644
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(207.556.760.541)	(197.322.785.574)	(10.233.974.967)

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
- Tiền mặt	2.954.099.232	1.194.285.804
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.171.490.768	22.380.766.447
	<b>11.125.590.000</b>	<b>23.575.052.251</b>



#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				
- Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc (*)	6.745.256.323	(6.745.256.323)	6.745.256.323	(6.745.256.323)
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>				
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Sửa chữa Nhà máy Thủy điện Tây Bắc	6.745.256.323	(6.745.256.323)	6.745.256.323	(6.745.256.323)
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	-	-	8.265.000.000	-
	-	-	3.265.000.000	-
	-	-	5.000.000.000	-
	<b>6.745.256.323</b>	<b>(6.745.256.323)</b>	<b>15.010.256.323</b>	<b>(6.745.256.323)</b>

##### Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh
- Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc	Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, Sơn La	100,00%	100,00%	Xây dựng, khai thác vật liệu xây dựng

(\*): Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc đã tạm ngừng hoạt động từ năm 2010. Ngày 19/10/2012, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc đã ra Nghị quyết số 29/2012/NQ-HĐQT về việc giải thể Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc. Tại ngày 29/01/2016, Ban Tổng Giám đốc đã kính trình Hội đồng Quản trị phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng để dần dần kiểm soát hoạt động của công ty này và giảm thiệt hại tài chính cho Công ty Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc. Phương án đề trình bao gồm:

- + Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- + Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý công ty;
- + Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;
- + Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

Hiện tại chưa có thông tin bổ sung về tình hình hoạt động của Công ty con.

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc đã ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế ngày 16/05/2016.



## 5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	11.260.227.746	12.205.022.242
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.715.440.778	7.092.394.386
- Các khoản phải thu khách hàng khác	116.845.583	-
	<b>19.092.514.107</b>	<b>19.297.416.628</b>

## 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng Hà Hùng	-	-	1.918.738.402	-
- Công ty TNHH Luật Thiên Hùng	-	-	600.000.000	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ tự động hóa và Thiết bị cơ khí ATMETCO	-	-	464.956.622	-
- Công ty Cổ phần Địa chính TCS	250.000.000	-	250.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long	10.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Anh Quân	555.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Phúc Thịnh Tây Bắc	682.462.000	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	735.258.430	-	777.190.017	-
	<b>12.222.720.430</b>	<b>-</b>	<b>4.010.885.041</b>	<b>-</b>
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)				

## 7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	2.870.670	-
- Tạm ứng	744.964.235	-	4.279.961.447	-
- Ký cược, ký quỹ	8.000.000	-	20.150.000	-
- Phải thu khác	27.162.710	-	335.869.674	-
	<b>780.126.945</b>	<b>-</b>	<b>4.638.851.791</b>	<b>-</b>



## 8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	540.231.822	-	596.541.376	-
- Công cụ, dụng cụ	533.291.817	-	838.355.029	-
	<b>1.073.523.639</b>	<b>-</b>	<b>1.434.896.405</b>	<b>-</b>

## 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- <b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>3.155.340.807</b>	<b>140.238.096</b>
Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 3 (1)	3.047.943.548	-
Công trình khác	107.397.259	140.238.096
- <b>Sửa chữa lớn</b>	<b>2.132.446.409</b>	<b>-</b>
Nhà máy Nậm Chiến 2	1.615.736.409	-
Nhà máy Nậm Công	292.720.000	-
Nhà máy Nậm Sỏi	223.990.000	-
	<b>5.287.787.216</b>	<b>140.238.096</b>

- (1) Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 3 được xây dựng thuộc địa phận xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.
- Mục đích xây dựng: Nhà máy có nhiệm vụ phát điện với công suất lắp đặt 3,1 MW; điện năng trung bình 1 năm khoảng 11,24 triệu KWh. Điện năng được hòa vào lưới điện Quốc gia thông qua đường dây 35kV góp phần giải quyết khó khăn về nhu cầu dùng điện trong những năm tới.
  - Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc
  - Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có và vốn vay tín dụng
  - Tổng mức đầu tư: 102.602.689.000 đồng (sau thuế và lãi vay)
  - Hình thức quản lý của dự án: Thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án
  - Diện tích đất xây dựng: Dự kiến là 2,25ha trong đó diện tích chiếm đất của cụm đầu mối và nhà máy là 1,25ha, diện tích chiếm đất tạm thời (bãi thải, lán trại phụ trợ) là 1,0 ha.
  - Thời gian thực hiện dự án: Khởi công xây dựng dự án Quý IV/2017 và dự kiến hoàn thành vào Quý I/2019.





**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	880.481.749.503	432.093.794.137	1.253.695.277	174.575.728	32.000.000	1.314.035.814.645
- Mua trong năm	161.925.455	2.232.862.885	-	-	67.500.000	2.462.288.340
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.253.695.277)	-	-	(1.253.695.277)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>880.643.674.958</b>	<b>434.326.657.022</b>		<b>174.575.728</b>	<b>99.500.000</b>	<b>1.315.244.407.708</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	133.832.868.037	73.401.132.037	1.253.695.277	174.575.728	24.666.679	208.686.937.758
- Khấu hao trong năm	19.070.207.318	10.481.522.804	-	-	9.460.033	29.561.190.155
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.253.695.277)	-	-	(1.253.695.277)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>152.903.075.355</b>	<b>83.882.654.841</b>		<b>174.575.728</b>	<b>34.126.712</b>	<b>236.994.432.636</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	746.648.881.466	358.692.662.100	-	-	7.333.321	1.105.348.876.887
Tại ngày cuối năm	<b>727.740.599.603</b>	<b>350.444.002.181</b>			<b>65.373.288</b>	<b>1.078.249.975.072</b>

(\*) Trong đó giá trị của các nhà máy như sau:

Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2: 714.985.735.322 đồng

Nhà máy Thủy điện Nậm Công - Nậm Sỏi: 596.694.607.523 đồng

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: Toàn bộ tài sản được đảm bảo khoản vay có giá trị còn lại là: 1.078.815.017.678 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.599.244.295 đồng.



# 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	-	-
- Mua trong năm	360.000.000	360.000.000
Số dư cuối năm	<u>360.000.000</u>	<u>360.000.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
- Khấu hao trong năm	30.000.000	30.000.000
Số dư cuối năm	<u>30.000.000</u>	<u>30.000.000</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	<u>330.000.000</u>	<u>330.000.000</u>

# 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí thuê tài sản	-	66.666.667
	<u>-</u>	<u>66.666.667</u>
b) Dài hạn		
- Phí tư vấn giá trị Cers (Dự án Nậm Công, Nậm Sỏi, Nậm Chiến)	2.776.385.450	2.969.127.270
- Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	2.917.867.387	715.379.718
- Chi phí kết nối SCADA nhà máy với Trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Bắc	235.042.606	-
- Chi phí tư vấn cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	1.083.478.157	-
- Chi phí phân bổ Công cụ dụng cụ	215.089.716	-
	<u>7.227.863.316</u>	<u>3.684.506.988</u>



**13. CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương						
b) Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
(1) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	70.922.284.000	70.922.284.000	71.453.997.483	74.452.281.483	67.924.000.000	67.924.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	53.204.284.000	53.204.284.000	50.703.997.483	56.704.281.483	47.204.000.000	47.204.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	31.549.000.000	31.549.000.000	34.272.000.000	35.049.000.000	30.772.000.000	30.772.000.000
Hợp đồng Số 07/000001/HĐTD (1.1)	19.645.000.000	19.645.000.000	28.440.000.000	23.145.000.000	24.940.000.000	24.940.000.000
Hợp đồng Số 01/2012/HĐTDNC2 (1.2)	3.930.000.000	3.930.000.000	1.280.000.000	3.930.000.000	1.280.000.000	1.280.000.000
Hợp đồng Số 01/2013/HĐTDNC2 (1.4)	7.974.000.000	7.974.000.000	4.552.000.000	7.974.000.000	4.552.000.000	4.552.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang	5.733.000.000	5.733.000.000	6.508.000.000	5.733.000.000	6.508.000.000	6.508.000.000
Hợp đồng Số 07/000001/HĐTD (1.1)	3.197.000.000	3.197.000.000	4.060.000.000	3.197.000.000	4.060.000.000	4.060.000.000
Hợp đồng Số 02/2012/HĐTDNC2 (1.3)	1.400.000.000	1.400.000.000	1.800.000.000	1.400.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
Hợp đồng Số 01/2013/HĐTDNC2 (1.4)	1.136.000.000	1.136.000.000	648.000.000	1.136.000.000	648.000.000	648.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Sơn La	15.922.284.000	15.922.284.000	9.923.997.483	15.922.281.483	9.924.000.000	9.924.000.000
Hợp đồng Số 54/10/TD/XH (1.5)	6.000.000.000	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-	-
Hợp đồng Số 638/15/TD-TD/XH (1.6)	9.922.284.000	9.922.284.000	9.923.997.483	9.922.281.483	9.924.000.000	9.924.000.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công	15.598.000.000	15.598.000.000	18.200.000.000	15.598.000.000	18.200.000.000	18.200.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	7.514.000.000	7.514.000.000	9.724.000.000	7.514.000.000	9.724.000.000	9.724.000.000
Hợp đồng Số 01/2009/NC-HĐTD (2.1)	6.618.000.000	6.618.000.000	9.333.000.000	6.618.000.000	9.333.000.000	9.333.000.000
Hợp đồng Số 02/2012/HĐTDNC (2.2)	896.000.000	896.000.000	391.000.000	896.000.000	391.000.000	391.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	8.084.000.000	8.084.000.000	8.476.000.000	8.084.000.000	8.476.000.000	8.476.000.000
Hợp đồng Số 01/2009/NC-HĐTD (2.1)	5.082.000.000	5.082.000.000	7.167.000.000	5.082.000.000	7.167.000.000	7.167.000.000
Hợp đồng Số 02/2012/HĐTDNC (2.2)	3.002.000.000	3.002.000.000	1.309.000.000	3.002.000.000	1.309.000.000	1.309.000.000



**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc**  
Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

<b>(3) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi</b>	<b>2.120.000.000</b>	<b>2.120.000.000</b>	<b>2.550.000.000</b>	<b>2.150.000.000</b>	<b>2.520.000.000</b>	<b>2.520.000.000</b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	940.000.000	940.000.000	1.128.000.000	940.000.000	1.128.000.000	1.128.000.000
Hợp đồng Số 01/2009/NS-HETD (3.1)	940.000.000	940.000.000	1.128.000.000	940.000.000	1.128.000.000	1.128.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	1.180.000.000	1.180.000.000	1.422.000.000	1.210.000.000	1.392.000.000	1.392.000.000
Hợp đồng Số 01/2009/NS-HETD (3.1)	1.060.000.000	1.060.000.000	1.272.000.000	1.060.000.000	1.272.000.000	1.272.000.000
Hợp đồng Số 02/2012/HETDNS (3.2)	120.000.000	120.000.000	150.000.000	150.000.000	120.000.000	120.000.000
	<b>70.922.284.000</b>	<b>70.922.284.000</b>	<b>78.694.007.174</b>	<b>74.452.281.483</b>	<b>75.164.009.691</b>	<b>75.164.009.691</b>

**b) Vay dài hạn**

<b>(1) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2</b>	<b>431.800.251.920</b>	<b>431.800.251.920</b>	<b>-</b>	<b>59.167.106.920</b>	<b>372.633.145.000</b>	<b>372.633.145.000</b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	333.452.000.000	333.452.000.000	-	35.049.000.000	298.403.000.000	298.403.000.000
Hợp đồng Số 07/000001/HETD (1.1)	274.549.000.000	274.549.000.000	-	23.145.000.000	251.404.000.000	251.404.000.000
Hợp đồng Số 01/2012/HETDNC2 (1.2)	14.121.000.000	14.121.000.000	-	3.930.000.000	10.191.000.000	10.191.000.000
Hợp đồng Số 01/2013/HETDNC2 (1.4)	44.782.000.000	44.782.000.000	-	7.974.000.000	36.808.000.000	36.808.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang	57.638.000.000	57.638.000.000	-	5.733.000.000	51.905.000.000	51.905.000.000
Hợp đồng Số 07/000001/HETD (1.1)	45.711.000.000	45.711.000.000	-	3.197.000.000	42.514.000.000	42.514.000.000
Hợp đồng Số 02/2012/HETDNC2 (1.3)	5.700.000.000	5.700.000.000	-	1.400.000.000	4.300.000.000	4.300.000.000
Hợp đồng Số 01/2013/HETDNC2 (1.4)	6.227.000.000	6.227.000.000	-	1.136.000.000	5.091.000.000	5.091.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Sơn La	40.710.251.920	40.710.251.920	-	18.385.106.920	22.325.145.000	22.325.145.000
Hợp đồng Số 54/10/TD/XH (1.5)	8.462.822.920	8.462.822.920	-	8.462.822.920	-	-
Hợp đồng Số 638/15/TD-TD/XH (1.6)	32.247.429.000	32.247.429.000	-	9.922.284.000	22.325.145.000	22.325.145.000
<b>(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công</b>	<b>178.967.320.000</b>	<b>178.967.320.000</b>	<b>-</b>	<b>15.598.000.000</b>	<b>163.369.320.000</b>	<b>163.369.320.000</b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	98.630.295.000	98.630.295.000	-	7.514.000.000	91.116.295.000	91.116.295.000
Hợp đồng Số 01/2009/NC-HETD (2.1)	96.440.515.000	96.440.515.000	-	6.618.000.000	89.822.515.000	89.822.515.000
Hợp đồng Số 02/2012/HETDNC (2.2)	2.189.780.000	2.189.780.000	-	896.000.000	1.293.780.000	1.293.780.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	80.337.025.000	80.337.025.000	-	8.084.000.000	72.253.025.000	72.253.025.000
Hợp đồng Số 01/2009/NC-HETD (2.1)	72.783.485.000	72.783.485.000	-	5.082.000.000	67.701.485.000	67.701.485.000
Hợp đồng Số 02/2012/HETDNC (2.2)	7.553.540.000	7.553.540.000	-	3.002.000.000	4.551.540.000	4.551.540.000



**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc**  
Bán Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

<b>(3) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi</b>	<b>165.823.400.000</b>	<b>165.823.400.000</b>	<b>-</b>	<b>2.150.000.000</b>	<b>163.673.400.000</b>	<b>163.673.400.000</b>
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La	76.681.000.000	76.681.000.000	-	940.000.000	75.741.000.000	75.741.000.000
Hợp đồng Số 01/2009/NS-HETD (3.1)	76.681.000.000	76.681.000.000	-	940.000.000	75.741.000.000	75.741.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	89.142.400.000	89.142.400.000	-	1.210.000.000	87.932.400.000	87.932.400.000
Hợp đồng Số 01/2009/NS-HETD (3.1)	84.694.400.000	84.694.400.000	-	1.060.000.000	83.634.400.000	83.634.400.000
Hợp đồng Số 02/2012/HETDNS (3.2)	4.448.000.000	4.448.000.000	-	150.000.000	4.298.000.000	4.298.000.000
<b>(4) Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>18.863.298.000</b>	<b>18.863.298.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>(5) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
<b>(6) Vay cá nhân</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
	<b>776.590.971.920</b>	<b>776.590.971.920</b>	<b>30.863.298.000</b>	<b>95.778.404.920</b>	<b>711.675.865.000</b>	<b>711.675.865.000</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(70.922.284.000)	(70.922.284.000)	(71.453.997.483)	(74.452.281.483)	(67.924.000.000)	(67.924.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	705.668.687.920	705.668.687.920			643.751.865.000	643.751.865.000

**Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn**

**Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương**

Hợp đồng tín dụng số 170091/NHINTHD ngày 12/10/2017 ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hải Dương;

Hạn mức vay tối đa: 10.000.000.000 đồng;

Mục đích vay: Các khoản vay sẽ được Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Thời hạn vay: 08 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng Giấy nhận nợ;

Lãi suất: 7,5%/năm;

Số dư nợ gốc đến 31/12/2017 là: 7.240.009.691 đồng.

Tài sản đảm bảo: Xe Ô Tô Lexus LS600hL thuộc sở hữu ông Trần Văn Huyền - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty.

**Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn**

**(1) DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẬM CHIẾN 2**

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 07/00001/HETD ngày 4/10/2007 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, BIDV - Chi nhánh Hà Giang và Ngân hàng TMCP Quân Đội; trong đó Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La là ngân hàng đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức vay tối đa: 399.000.000.000 VND;





Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Chiến 2;  
Thời hạn vay: Thời hạn vay theo Hợp đồng này là 11 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn gốc kết thúc ngay sau khi dự án có doanh thu bán điện nhưng không quá 03 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.  
Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2017 là 10%/năm.

Số dư nợ gốc đến 31/12/2017 là:	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La:	251.404.000.000 đồng
trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:	24.940.000.000 đồng
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang:	42.514.000.000 đồng
trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:	4.060.000.000 đồng

**Cộng**  
(\*) Theo Hợp đồng mua nợ số 01/2014/HĐMBN giữa bên mua nợ là: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Sơn La, bên bán nợ là: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 và bên nợ là: Công ty Cổ phần Điện Tây Bắc vào ngày 25 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La đã mua 100% nợ gốc từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội với tổng giá trị khoản vay là: 43.000.000.000 đồng.

**(1.2) Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDNC2 ngày 30/3/2012 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, bao gồm các điều khoản chính sau:**

Hạn mức vay tối đa: 21.000.000.000 VND;  
Mục đích vay: Thanh toán lãi vay phát sinh chưa trả cho BIDV tính đến thời điểm 26/09/2011 của dự án Thủy điện Nậm Chiến 2.  
Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo hợp đồng 07/00001/HĐTD (27/12/2025);  
Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2017 là 10%/năm;  
Số dư nợ gốc đến 31/12/2017 là:  
trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:

<b>(1.3) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTDNC2 ngày 29/6/2012 ký với đầu mỗi là Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang, bao gồm các điều khoản chính sau:</b>
Hạn mức vay tối đa: 8.000.000.000 VND;
Mục đích vay: Khoản vay sẽ được bên vay dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc);
Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo hợp đồng 07/00001/HĐTD (27/12/2025);
Lãi suất áp dụng cố định là 11%/năm. Trong trường hợp thay đổi lãi suất, các bên cùng nhau thỏa thuận, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2017 là 10%/năm;
Số dư nợ gốc đến 31/12/2017 là:
trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:

**(1.4) Hợp đồng tín dụng Số 01/2013/HĐTDNC2 ngày 29/03/2013 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang; trong đó Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Việt Nam - Chi nhánh Sơn La là ngân hàng đầu mỗi, bao gồm các điều khoản chính sau:**  
Hạn mức vay tối đa: 61.500.000.000 VND;  
Mục đích vay: Khoản vay sẽ được bên vay dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc);



**Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc**  
Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo hợp đồng 07/00001/HĐTD (27/12/2025).  
Lãi suất áp dụng cố định là 11%/năm. Trong trường hợp thay đổi lãi suất, các bên cùng nhau thỏa thuận, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2017 là 10%/năm;

Số dư nợ gốc đến 31/12/2017 là:  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La:  
trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang:  
trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:  
**Cộng**

36.808.000.000 đồng  
4.552.000.000 đồng  
5.091.000.000 đồng  
648.000.000 đồng  
41.899.000.000 đồng

(1.5) Hợp đồng tín dụng Số 638/15/TD-TT/XH ngày 18/03/2015 ký với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần An Bình - Chi nhánh Sơn La và Phụ lục hợp đồng số 2895/15/PLTD-TT/XH ngày 26 tháng 06 năm 2015 bổ sung cho Hợp đồng tín dụng Số 638/15/TD-TT/XH, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức tín dụng: 48.000.000.000 VND;  
Mục đích vay: Thanh toán các khoản nợ của công trình thủy điện Nậm Chiến 2  
Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút tiền vay lần đầu;  
Lãi suất áp dụng theo quy định của ABBank tại thời điểm giải ngân. Lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2017 là 10%/năm.  
Số dư nợ gốc đến 31/12/2017 là:  
trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:

22.325.145.000 đồng  
9.924.000.000 đồng

**Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2 là:**

- Bất động sản tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 00, địa chỉ: Bản Chiến, xã Chiềng San, huyện Mường La, tỉnh Sơn La (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 154155 do Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La cấp ngày 16/09/2009 cho Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Tây Bắc. Số vào sổ cấp GCNQSD đất: T00019).  
- Toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2 và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/07/2015 là: 680.000.000.000 VND. Trong đó: Phán bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn.

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (72%)	126.000.000.000	363.600.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang (12%)	21.000.000.000	60.600.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Sơn La (16%)	28.000.000.000	80.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>175.000.000.000</b>	<b>505.000.000.000</b>

(2) DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẬM CÔNG

(2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HĐTD ngày 08/9/2009 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;  
Mục đích vay: Các khoản vay sẽ được Bên vay dùng để thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công.



Thời hạn vay: 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.  
Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2017 là 10%/năm;  
Số dư nợ gốc đến 31/12/2017 là:  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La:  
trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình:  
trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:  
**Cộng**

89.822.515.000 đồng  
9.333.000.000 đồng  
67.701.485.000 đồng  
7.167.000.000 đồng  
**157.524.000.000 đồng**

(2.2) Hợp đồng tín dụng Hợp đồng Số 02/2012/HĐTDNC ngày 29/06/2012 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức vay tối đa: 15.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Các khoản vay sẽ được Bên vay dùng để thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công.

Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay theo Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (16/09/2025).

Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2017 là 10%/năm;

Số dư nợ gốc đến 31/12/2017 là:  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La:  
trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:  
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình:  
trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:  
**Cộng**

1.293.780.000 đồng  
391.000.000 đồng  
4.551.540.000 đồng  
1.309.000.000 đồng  
5.845.320.000 đồng

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là:

- Toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/07/2015 là: 275.000.000.000 VND. Trong đó: Phán bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (56%)	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình (44%)	28.600.000.000	92.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>65.000.000.000</b>	<b>210.000.000.000</b>

(3) DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN NẬM SƠI

(3.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HĐTD ngày 08/09/2009 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và và Hợp đồng Số 01/2013/NS-HĐTD ngày 29/03/2013 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, bao gồm các điều khoản chính sau:



Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD: 167.000.000.000 VND, Hạn mức vay tối đa của Hợp đồng 01/2013/NS-HĐTD: 10.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Các khoản vay sẽ được Bên vay dùng để thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sỏi

Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết thời hạn vay các hợp đồng 01/2009/NS-HĐTD và 01/2013/NS-HĐTD (15/03/2026);

Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2017 là 10%/năm;

Số dư nợ gốc đến 31/12/2017 là:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La:

trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:

Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân:

trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:

Cộng

75.741.000.000 đồng  
1.128.000.000 đồng  
83.634.400.000 đồng  
1.272.000.000 đồng  
159.375.400.000 đồng

(3.2) Hợp đồng tín dụng Hợp đồng Số 02/2012/HĐTDNS ngày 29/06/2012 ký với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, bao gồm các điều khoản chính sau:

Hạn mức vay tối đa: 6.000.000.000 VND;

Mục đích vay: Khoản vay sẽ được Bên vay dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc)

Thời hạn vay:

Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng một lần, lãi suất áp dụng tại thời điểm 31/12/2017 là 10%/năm;

Số dư nợ gốc đến 31/12/2017 là:

trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là:

4.298.000.000 đồng  
120.000.000 đồng

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi là:

- Toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sỏi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/07/2015 là: 225.000.000.000 VND. Trong đó: Phán bỏ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn:

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La (52%)	23.400.000.000	93.600.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (48%)	21.600.000.000	86.400.000.000
Cộng	45.000.000.000	180.000.000.000



(5) VAY NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM - CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG

Số tiền vay: 10.000.000.000 đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn để mua sản Tàng 4 và Tàng 5 nhà C - Tòa nhà 32T thuộc lô HH6 khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Thời hạn vay: 72 tháng.

Lãi suất = Lãi suất cơ sở + mức biên là 3,3%/năm. Lãi suất cơ sở tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm. Lãi suất cơ sở được điều chỉnh theo thông báo ngân hàng trong từng thời kỳ.  
Số dư nợ gốc đến 31/12/2017 là: 10.000.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo:

- Xe ô tô Lexus LS600HL thuộc sở hữu ông Trần Văn Huyền - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty
- Văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho Công ty
- Xe ô tô Subaru-Outback 2.5i-S AWD thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long
- Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng sản Tàng 4 và Tàng 5 nhà C - Tòa nhà 32T thuộc lô HH6 khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc và Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long.
- Căn hộ chung cư thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đắc Điệp và bà Chu Thị Kim Ngân.

(5) VAY CÁ NHÂN

Khoản vay Ông Phạm Văn Chiêu với số tiền vay theo hợp đồng: 2.000.000.000 đồng; Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày nhận được tiền vay

Lãi suất trong hạn là 10%/năm

Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017: 2.000.000.000 đồng



**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10	8.747.902.463	8.747.902.463	8.747.902.463	8.747.902.463
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà Chi nhánh 1	12.340.739.036	12.340.739.036	15.340.739.036	15.340.739.036
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.05 tại Lai Châu	4.701.878.894	4.701.878.894	4.701.878.894	4.701.878.894
- Công ty TNHH Công nghiệp nặng Quảng Phát Nam Ninh	2.402.304.155	2.402.304.155	4.129.899.479	4.129.899.479
- Phải trả các đối tượng khác	13.282.625.329	13.282.625.329	10.875.131.343	10.875.131.343
	<b>41.475.449.877</b>	<b>41.475.449.877</b>	<b>43.795.551.215</b>	<b>43.795.551.215</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
- Công ty Cổ phần Sông Đà 10	8.747.902.463	8.747.902.463	8.747.902.463	8.747.902.463
- Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà Chi nhánh 1	12.340.739.036	12.340.739.036	15.340.739.036	15.340.739.036
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.05 tại Lai Châu	4.701.878.894	4.701.878.894	4.701.878.894	4.701.878.894
- Chi nhánh Sông Đà 9.02	1.632.128.531	1.632.128.531	1.632.128.531	1.632.128.531
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế SOMECO	81.930.267	81.930.267	81.930.267	81.930.267
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - Xi nghiệp Sông Đà 206	322.300.000	322.300.000	322.300.000	322.300.000
- Viện Năng lượng	38.150.360	38.150.360	38.150.360	38.150.360
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Xây dựng Toàn Phát	264.335.349	264.335.349	292.245.143	292.245.143
- Công ty Đầu tư Phát triển công nghệ và Xây lắp K&N	104.841.450	104.841.450	104.841.450	104.841.450
- Công ty Cổ phần Phát triển Hệ thống điện	752.701.000	752.701.000	877.701.000	877.701.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng hệ thống điện Bách Khoa	92.569.090	92.569.090	92.569.090	92.569.090
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát	243.556.000	243.556.000	243.556.000	243.556.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Trường Giang	528.967.521	528.967.521	528.967.521	528.967.521
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Hùng	189.763.061	189.763.061	189.763.061	189.763.061
- Công ty TNHH Công nghiệp nặng Quảng Phát Nam Ninh	2.346.832.250	2.346.832.250	4.129.899.479	4.129.899.479
- Công ty Cổ phần Cavico Việt Nam Khai thác mỏ và Xây dựng	429.861.239	429.861.239	429.861.239	429.861.239
	<b>32.818.456.511</b>	<b>32.818.456.511</b>	<b>37.754.433.534</b>	<b>37.754.433.534</b>
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>437.047.308</b>	<b>437.047.308</b>	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)



## 15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.228.147.289	13.416.148.428	12.052.919.764	1.006.437.227	3.597.813.180
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	993.389	-	-	-	993.389	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	306.678.202	150.611.184	18.439.746	-	438.849.640
Thuế Tài nguyên	-	2.672.403.569	14.065.724.939	15.470.771.362	-	1.267.357.146
Các loại thuế khác	500.000	-	500.000	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.331.977.930	3.065.805.637	5.157.313.772	-	8.240.469.795
<b>1.493.389</b>	<b>14.539.206.990</b>	<b>30.698.790.188</b>	<b>32.699.444.644</b>	<b>1.007.430.616</b>	<b>13.544.489.761</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí tư vấn đàm phán giá điện Nhà máy Nậm Chiến 2	-	600.000.000
- Chi phí lập báo cáo kiên cố hóa mái dốc kênh dẫn nước, cửa nhận nước Nậm Công, cửa hầm số 2 Nậm Sỏi	512.111.572	512.111.572
- Chi phí bảo hiểm cháy nổ	393.290.490	-
- Chi phí phải trả khác	238.879.242	196.363.636
	<b>1.144.281.304</b>	<b>1.308.475.208</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	219.088.261	171.466.611
- Bảo hiểm xã hội	59.983.475	1.156.869.619
- Bảo hiểm y tế	13.262.401	185.374.079
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.998.353	84.789.228
- Phải trả công tác Đảng	75.460.806	72.590.136
- Lãi vay Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2 (*)	-	59.369.116
- Lãi vay Nhà máy thủy điện Nậm Công (*)	-	20.713.428.710
- Lãi vay Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi (*)	-	4.612.566.425
- Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	18.777.425.587	19.049.872.325
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 10	8.471.577.900	8.471.577.900
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	-	6.176.148
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà Chi nhánh 1	5.951.906.866	5.951.906.866
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.705.755.206	1.705.755.206
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.648.185.615	2.848.185.615
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-	66.270.590
	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
- Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	3.203.858.315	3.277.295.231
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà Chi nhánh 1	2.124.690.990	2.124.690.990
+ Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	-	60.000.000
+ Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Sông Đà	1.079.167.325	1.079.167.325
+ Công ty TNHH Bình Huyền Minh	-	537.284
+ Công ty Cổ phần Đức Sơn	-	12.899.632
- Phải trả tiền khắc phục sự cố lũ Nậm Chiến 2 (năm 2011 + 2012): Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Sông Đà	-	45.974.012
- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	812.363.637	1.175.143.637
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	115.643.599	54.994.650
	<b>23.283.084.434</b>	<b>50.659.733.779</b>

**b) Dài hạn**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Lãi vay Nhà máy thủy điện Nậm Chiến 2 (*)	58.066.779.113	53.530.333.333
- Lãi vay Nhà máy thủy điện Nậm Công (*)	36.455.553.605	26.552.916.825
- Lãi vay Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi (*)	27.160.006.903	23.731.662.422
	<b>121.682.339.621</b>	<b>103.814.912.580</b>



(\*) Căn cứ các Phụ lục hợp đồng giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Sơn La, các Tổ chức Tín dụng Đồng tài trợ với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc trong đó các bên nhất trí thỏa thuận bổ sung một số điều khoản trong Hợp đồng đối với khoản lãi phát sinh từ năm 2014 đến năm 2017 được điều chỉnh cụ thể như sau: Số lãi phát sinh Công ty phải trả mức tối thiểu từ 48% đến 86%, số lãi phát sinh còn lại được phân bổ đều trả dần từ năm 2019 đến 2022 với mức trả trung bình mỗi năm từ 3,5% đến 13%.

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

- Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	18.977.425.587	19.049.872.325
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 10	8.471.577.900	8.471.577.900
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	-	6.176.148
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà Chi nhánh 1	5.951.906.866	5.951.906.866
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.705.755.206	1.705.755.206
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.848.185.615	2.848.185.615
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 505	-	66.270.590
- Lãi chậm trả các đơn vị thi công - Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến 2	3.203.858.315	3.277.295.231
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà Chi nhánh 1	2.124.690.990	2.124.690.990
+ Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	-	60.000.000
+ Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Sông Đà	1.079.167.325	1.079.167.325
+ Công ty TNHH Bình Huyền Minh	-	537.284
+ Công ty Cổ phần Đức Sơn	-	12.899.632
- Phải trả tiền khắc phục sự cố lũ Nậm Chiến 2 (năm 2011 + 2012): Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Sông Đà	-	45.974.012
	<b>22.181.283.902</b>	<b>22.373.141.568</b>

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu  
(Chi tiết tại Phụ lục 01)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long	61%	220.521.000.000	0%	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0%	-	12%	45.300.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	0%	-	12%	42.300.000.000
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10%	35.733.330.000	10%	35.733.330.000
Công ty Cổ phần Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà (SUDICO)	0%	-	8%	27.200.000.000
Nguyễn Thành Sơn	0%	-	9%	34.050.000.000
Phạm Thị Bạch Hà	0%	-	6%	21.950.000.000
Cổ phiếu quỹ	1%	2.540.000.000	1%	2.540.000.000
Các cổ đông khác	29%	103.753.210.000	42%	153.474.210.000
	<b>100%</b>	<b>362.547.540.000</b>	<b>100%</b>	<b>362.547.540.000</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	362.547.540.000	362.547.540.000
- Vốn góp cuối năm	362.547.540.000	362.547.540.000



d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.254.754	36.254.754
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.254.754	36.254.754
- Cổ phiếu phổ thông	36.254.754	36.254.754
Số lượng cổ phiếu được mua lại	254.000	254.000
- Cổ phiếu phổ thông	254.000	254.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.000.754	36.000.754
- Cổ phiếu phổ thông	36.000.754	36.000.754
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	191.780.847.568	195.219.954.091
	<b>191.780.847.568</b>	<b>195.219.954.091</b>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn bán điện thương phẩm	64.821.679.424	63.599.393.138
	<b>64.821.679.424</b>	<b>63.599.393.138</b>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	20.519.677	39.767.628
	<b>20.519.677</b>	<b>39.767.628</b>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	75.140.742.007	81.488.619.768
Lãi chậm trả các nhà thầu	-	2.121.054.147
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	210.050.261	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	223.582.165	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	-
	<b>75.574.374.433</b>	<b>83.609.673.915</b>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí liên quan đến chuyển nhượng giảm phát thải	-	57.370.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.425.451.910	2.011.445.910
	<b>1.425.451.910</b>	<b>2.068.816.820</b>



#### 24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	370.790.953	1.385.505.750
Chi phí nhân công	6.382.593.346	6.771.967.051
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.639.726	340.479.409
Chi phí xử lý công nợ	-	1.950.819.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.941.301.080	1.781.777.134
Chi phí khác bằng tiền	5.815.870.230	6.753.453.989
	<b>14.518.195.335</b>	<b>18.984.002.358</b>

#### 25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	409.090.909	25.293.243
Điều chỉnh công nợ phải trả	493.367.455	-
Thu nhập khác	57.380.239	-
	<b>959.838.603</b>	<b>25.293.243</b>

#### 26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản chi không được trừ	660.777.641	-
Điều chỉnh các khoản công nợ không có khả năng thu hồi	585.838.937	-
Các khoản bị phạt liên quan đến nghĩa vụ thuế	237.613.977	1.812.774.450
Chi phí khác	232.531.337	-
	<b>1.716.761.892</b>	<b>1.812.774.450</b>

#### 27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	34.704.742.854	25.210.354.281
Các khoản điều chỉnh tăng	1.716.761.892	3.763.593.475
- Chi phí không hợp lệ	1.716.761.892	3.763.593.475
Các khoản điều chỉnh giảm	(36.421.504.746)	(28.973.947.756)
- Chuyển lỗ các năm trước	(36.421.504.746)	(28.973.947.756)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-



## 28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	34.704.742.854	25.210.354.281
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	34.704.742.854	25.210.354.281
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	36.000.754	36.000.754
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>964</b>	<b>700</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

## 29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.013.631.197	3.311.485.465
Chi phí nhân công	10.784.006.605	11.965.818.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.591.190.155	29.996.528.769
Chi phí xử lý nợ	-	1.950.819.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.347.366.240	30.487.056.584
Chi phí khác bằng tiền	6.029.132.472	6.753.453.989
	<b>80.765.326.669</b>	<b>84.465.162.643</b>

## 30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.125.590.000	-	23.575.052.251	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.872.641.052	-	23.936.268.419	-
	<b>30.998.231.052</b>	<b>-</b>	<b>47.511.320.670</b>	<b>-</b>
	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	VND	VND	VND
	VND	VND	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	718.915.874.691		776.590.971.920	
Phải trả người bán, phải trả khác	186.440.873.932		198.270.197.574	
Chi phí phải trả	1.144.281.304		1.308.475.208	
	<b>906.501.029.927</b>		<b>976.169.644.702</b>	



Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.125.590.000	-	-	11.125.590.000
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.872.641.052	-	-	19.872.641.052
	<b>30.998.231.052</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.998.231.052</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	23.575.052.251	-	-	23.575.052.251
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.936.268.419	-	-	23.936.268.419
	<b>47.511.320.670</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>47.511.320.670</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	75.164.009.691	170.401.145.000	473.350.720.000	718.915.874.691
Phải trả người bán, phải trả khác	64.758.534.311	121.682.339.621	-	186.440.873.932
Chi phí phải trả	1.144.281.304	-	-	1.144.281.304
	<b>141.066.825.306</b>	<b>292.083.484.621</b>	<b>473.350.720.000</b>	<b>906.501.029.927</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	70.922.284.000	164.000.000.000	541.668.687.920	776.590.971.920
Phải trả người bán, phải trả khác	94.455.284.994	103.814.912.580	-	198.270.197.574
Chi phí phải trả	1.308.475.208	-	-	1.308.475.208
	<b>166.686.044.202</b>	<b>267.814.912.580</b>	<b>541.668.687.920</b>	<b>976.169.644.702</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN T

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>c) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	36.103.307.691	900.000.000
<b>d) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	93.778.404.920	35.626.284.000

### 32. THÔNG TIN KHÁC

Do Công ty con Công ty TNHH MTV Xây lắp và Khai thác Vật liệu Xây dựng Tây Bắc đã dừng hoạt động từ năm 2010 nên Công ty không thực hiện lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### 33. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 25/01/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc đã báo cáo kết quả giao dịch bán cổ phiếu quỹ tới Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước với giá giao dịch bình quân 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đó, số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty từ ngày 25/01/2018 là 36.254.754 cổ phiếu.

### 34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.



### 35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Chi phí thuê xe, chi phí thi công</b>			
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long	Công ty mẹ	1.056.059.371	-
<b>Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính</b>			
	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long	Công ty mẹ	10.000.000.000	-
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hoàng Long	Công ty mẹ	437.047.308	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.388.687.668	1.668.520.890
Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc	225.002.564	257.561.818

### 36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Như Tâm  
Người lập biểu  
Sơn La, ngày 22 tháng 01 năm 2018



Phạm Văn Tuyên  
Kế toán trưởng

Đỗ Quang Lợi  
Tổng Giám đốc



Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	362.547.540.000	2.545.454.545	(2.540.000.000)	(207.556.760.541)	154.996.234.004
Lãi trong năm trước	-	-	-	25.210.354.281	25.210.354.281
Số dư cuối năm trước	362.547.540.000	2.545.454.545	(2.540.000.000)	(182.346.406.260)	180.206.588.285
Số dư đầu năm nay	362.547.540.000	2.545.454.545	(2.540.000.000)	(182.346.406.260)	180.206.588.285
Lãi trong năm nay	-	-	-	34.704.742.854	34.704.742.854
Số dư cuối năm nay	362.547.540.000	2.545.454.545	(2.540.000.000)	(147.641.663.406)	214.911.331.139

